TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2017/HC-PT
Ngày 13 - 10 - 2017
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung

Ông Nguyễn Văn Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Văn Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2016/HCPT ngày 03 tháng 08 năm 2016 về việc *"*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai*"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 08/2016/HCST ngày 23 tháng 06 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 499/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Vũ Văn T; Địa chỉ: thôn 1, xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Trần N; Địa chỉ: Thôn 10, xã LN, BL, Lâm Đồng (theo văn bản ủy quyền ngày 12/10/2017); có mặt.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LĐ; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông K'Y; Địa chỉ: thôn 1, xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Vũ Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 23/11/2015 và các bản tự khai của người khởi kiện Vũ Văn T, của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Ngày 26/6/1995, ông Vũ Văn T nhận sang nhượng khoảng 10.000m^2 đất của ông Tạ Xuân T1. Việc sang nhượng thể hiện bằng giấy viết tay và thể hiện tứ cận như sau:

- Phía đông giáp đất hoang
- Phía bắc giáp vườn K'L
- Phía tây giáp vườn K'B
- Phía nam giáp vườn K'T

Trong quá trình sử dụng đất, ông T đã kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 8.881m^2, đất trồng cà phê. Ngoài ra, ông T thực hiện nghĩa vụ thuế đầy đủ thể hiện qua các biên lai đóng thuế hàng năm.

Đối với phần diện tích 3.186m^2, Ông T cho rằng trong quá trình sử dụng đất ông có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã nhưng cán bộ địa chính xã lúc bấy giờ là ông K'P không thực hiện thủ tục cho ông.

Năm 1995, Sau khi nhận sang nhượng, ông có thuê ông K'Y làm vườn và cho ông K'Y mượn diện tích 3.186m^2 đất nói trên để trồng hoa màu. Khi cho mượn hai bên chỉ trao đổi với nhau bằng lời nói chứ không có văn bản giấy tờ gì. Cuối năm 2009, ông có đến UBND xã LT để kê khai đăng ký và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.186m^2, thuộc thửa số 372 thì được biết Ủy ban nhân dân huyện BL đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K'Y.

Ông T cho rằng, Ủy ban nhân dân huyện BL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K'Y là không đúng chủ sử dụng đất và trái pháp luật nên ông đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện BL. Ngày 10/12/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BL ban hành Quyết định số 3198/QĐ-UBND; Về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông T; Với nội dung, không chấp nhận nội dung ông T khiếu nại việc Ủy ban nhân dân huyện BL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 372 – TBĐ số 29 – xã LT cho ông K'Y và giữ nguyên Quyết định số 980/QĐ-UB, ngày 16/2/2009 của Ủy ban nhân dân huyện BL; Về việc công nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông K'Y sử dụng đất tại xã LT, huyện BL. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại nói trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BL; Ông T tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh LĐ và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LĐ ban hành Quyết định số 2257/QĐ-UBND, ngày 21/10/2015 giữ nguyên quyết định số 3198/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BL về việc giải quyết đơn của ông Vũ Văn T.

Ông Vũ Văn T không đồng ý với quyết định số 2257/QĐ-UBND, ngày 21/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LĐ nói trên; Ngày 23/11/2015 ông Vũ Văn T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm đồng, yêu cầu:

Hủy quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LĐ.

Ngoài ra, trong đơn khởi kiện ông Vũ Văn T còn kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện BL thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số A0664113 do Ủy ban nhân dân huyện BL cấp cho ông K'Y ngày 11/02/2009 và lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.186m^2 thuộc thửa 372 tờ bản đồ số 29 xã LT cho ông theo đúng quy định của pháp luật.

** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

Việc ông Vũ Văn T khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện BL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông K'Y đối với diện tích 3.186m^2 đất thuộc thửa số 372, tờ bản đồ số 29, xã LT, huyện BL là không có cơ sở. Vì:

Đối với ông Vũ Văn T thì, ngoài giấy sang nhượng viết tay giữa ông với ông Tạ Xuân T1 xác lập vào ngày 26/6/1995, ông T không có giấy tờ nào khác. Sau đó, theo lời trình bày của ông T thì vào năm 1996, ông T cho ông K'Y mượn để canh tác nông nghiệp nhưng không thể hiện giấy tờ và trên thực tế thì ông T cũng không trực tiếp canh tác, sử dụng diện tích đất nói trên, không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại địa phương nên không có cơ sở thể hiện diện tích này là của ông T.

Đối với ông K'Y thì, đất trong sổ dã ngoại, sổ mục kê cuốn số 3, xã LT thiết lập năm 1999 thể hiện ông K'Y đứng tên chủ sử dụng đối với diện tích 3186m^2 đất nông nghiệp nói trên.

Ngày 20/6/2008, ông K'Y có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.186m^2 đất nêu trên và đã được Ủy ban nhân dân xã LT chấp nhận duyệt đơn và niêm yết công khai. Quá trình niêm yết, không có ý kiến khiếu nại hoặc tranh chấp quyền sử dụng đất. Ngày 16/02/2009, Ủy ban nhân dân huyện BL ban hành quyết định số 980/QĐ-UBND Về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông K'Y đối với 02 thửa đất, trong đó có thửa số 372 với diện tích 3.186m^2 thuộc tờ bản đồ số 29, xã LT.

Với những cơ sở trên xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K'Y là đúng quy trình và đúng chủ sử dụng đất. Vì vậy, khi ông Vũ Văn T có đơn khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K'Y, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BL ban hành Quyết định số 3198/QĐ-UBND, ngày 10/12/2014; Về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông T; Với nội dung, không chấp nhận nội dung ông T khiếu nại việc Ủy ban nhân dân huyện BL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 372 – TBĐ số 29 – xã LT cho ông K'Y và giữ nguyên Quyết định số 980/QĐ-UB, ngày 16/2/2009 của UBND huyện BL; Về việc công nhận Quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho hộ ông K'Y sử dụng đất tại xã LT, huyện BL là có cơ sở và đúng pháp luật. Do đó, sau khi ông T có đơn khiếu nại Quyết định số 3198/QĐ-UBND, ngày 10/12/2014, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BL thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LĐ ban hành Quyết định số 2257/QĐ-UBND, ngày 21/10/2015, với nội dung, giữ nguyên quyết định số 3198/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện BL về việc giải quyết đơn của ông Vũ Văn T là đúng pháp luật. Do vậy, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết bác đơn khởi kiện của ông Vũ Văn T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2257/QĐ-UBND, ngày 21/10/2015, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LĐ.

** Theo bản tự khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông K'Y trình bày:*

Năm 1976, ông K'J cùng ông K'B, K'N, K'B, K'N, K'W làm tổ đổi công với nhau, ông K'J đã khai phá diện tích khoảng 4.000m^2 đất tại thôn 1 (hiện nay là thửa 372, tờ bản đồ số 29 xã LT). Ông K'J đã trồng lúa từ năm 1976 đến năm 1978. Vào năm 1979, ông K'J cho ông diện tích đất trên (vì ông là cháu rể của ông K'J), ông đã canh tác trồng dâu, mì ổn định từ năm 1979 đến nay và cũng không tranh chấp với ai. Vào năm 1997, có đoàn đo đất của huyện BL đo đạc và xác định số thửa là 372 - tờ bản đồ 29 và diện tích đất là 3.186m^2.

Trong quá trình sử dụng đất, ông đã lập hồ sơ kê khai, đăng ký và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2009. Năm 2011, ông đã sang nhượng lại thửa đất trên cho ông Nguyễn Hữu C.

Nguồn gốc chiếm dụng đất của ông Vũ Văn T thể hiện như sau, vào năm 1987, ông Tạ Xuân T1 có hợp đồng nhận khoán trồng dâu với UBND xã LT, diện tích nhận khoán khoảng 10.000m^2, phần diện tích đất thuộc thửa 372 không nằm trong diện tích giao khoán của ông Tạ Xuân T1. Đến năm 1995, khi hết hợp đồng giao khoán, ông T1 tự ý chuyển nhượng cho ông Vũ Văn T 10.000m^2 đất nói trên và ông T sử dụng cho đến nay.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LĐ là không có cơ sở, đề nghị bác đơn khởi kiện của ông T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 08/2016/HC-ST ngày 23 tháng 6 năm 2016 của Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 2 Điều 163 Luật tố tụng hành chính;

- Căn cứ Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP, ngày 29/7/2011, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP, ngày 15 tháng 01 năm 2015, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP, ngày 29 tháng 7 năm 2011, của Hội

đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tố tụng hành chính;

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12, ngày 27/02/2009, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T về việc yêu cầu hủy quyết định số 2257/QĐ-UBND, ngày 21/10/2015, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LĐ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/7/2016, ông Đỗ Đức C1 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy các quyết định số 2257/QĐ-UBND, ngày 21/10/2015, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LĐ và quyết định số 980/QĐ-UB, ngày 16/2/2009 của Ủy ban nhân dân huyện BL; kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện BL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 3.186 m^2 theo thửa đất số 372, tờ bản đồ số 29 tại xã LT cho ông Vũ Văn T.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án số 08/2016/HCST ngày 23/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Viện kiểm sát, của người khởi kiện và người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hình thức đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét nội dung đơn kháng cáo và đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy:

Xét đối tượng khởi kiện vụ án hành chính: Căn cứ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 và Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 thì đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính là quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết đơn và giữ nguyên quyết định số 3198/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện BL

Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của quyết định 2257:

Về trình tự thủ tục ban hành quyết định 2257: Đúng thẩm quyền và đúng trình tự thủ tục ban hành văn bản.

Về nội dung: Xét về nguồn gốc thửa đất số 372-TBĐ số 29 xã LT (đất đang tranh chấp với ông K'Y thì thấy: Vào ngày 26/6/1995 ông Vũ Văn T nhận sang

nhượng của ông Tạ Xuân T1 với diện tích 10.000m^2 nhưng hai bên chỉ viết giấy tay. Trong quá trình sử dụng, ông T đã kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 8.881m^2 thuộc thửa 350-TBĐ 29 xã LT. Thửa đất 350 liền kề thửa đất số 372, thế nhưng ông T không kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 372 cùng với việc kê khai, đăng ký đối với thửa 350 nói trên và ông T cho rằng vào năm 1996 ông cho ông K'Y mượn để canh tác nông nghiệp nhưng không thể hiện giấy tờ và trên thực tế thì ông T cũng không trực tiếp canh tác, sử dụng diện tích đất này và cũng không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại địa phương.

Mặt khác, tại đơn xin xác nhận đề ngày 11/2/2011, ông T khai rằng: "có cắt cho K'Y diện tích đất cày sẵn khoảng 4 hàng cà phê, diện tích 1.300m^2" và ông cho rằng, ngoài diện tích đất này, ông K'Y đã tự ý "đi kê khai, cấp sổ đỏ trên phần đất đường đi, sân phơi của tôi với diện tích 1.830m^2". Do đó, ông T làm đơn xin xác nhận để "làm cơ sở khởi kiện tại Tòa án huyện BL đối với ông K'Y đã kê khai, cấp sổ đỏ nói trên". Với nội dung này cho thấy, một phần thửa đất 372, ông T không trực tiếp sử dụng đó là phần có diện tích 1.300m^2 và cũng không thuộc quyền quản lý của ông T vì đã "cắt cho K'Y…"diện tích đất này. Đồng thời thể hiện rõ ý thức của ông T chỉ tranh chấp với ông K'Y đối với diện tích 1.830m^2 đất làm đường đi và sân phơi mà thôi. Bên cạnh đó, tại đơn xin ngăn chặn do ông T viết và đề ngày 16/01/2012, gởi phòng tài nguyên và môi trường huyện BL, ông T khai rằng "có cho ông K'Y mượn khoảng 3 sào để canh tác trồng màu" "Nay tôi làm đơn này đòi lại toàn bộ diện tích cấp sổ sai nêu trên". Chỉ với 02 tài liệu trên đã phản ánh lời trình bày của ông T về diện tích thuộc thửa 372 là không trung thực. Tóm lại việc ông T khai cho K'Y mượn đất để canh tác nhưng không có căn cứ để chứng minh. Đối với việc nộp thuế ông T đã xuất trình các biên lai thu thuế sử dụng đất mà chủ yếu là thuế cây lâu năm nhưng không thể hiện đã nộp thuế trên phần diện tích nào. Vì vậy, các biên lai thuế thể hiện ông T nộp thuế cây lâu năm trên diện tích đất nói trên là không phù hợp. Với những căn cứ trên cấp sơ thẩm cho rằng ông T không chiếm dụng và sử dụng hợp pháp thửa đất 372. Đồng thời, trên thực tế ông T cũng không trực tiếp canh tác thửa đất nói trên từ những năm 1995 đến nay.

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.186m^2 đất nông ngiệp thuộc thửa số 372, tờ bản đồ số 29, xã LT, huyện BL cho ông K'Y được thể hiện như sau: Tại sổ dã ngoại và sổ mục kê quyển số 3, xã LT được thiết lập năm 1999 phản ảnh, thửa đất số 372 tờ bản đồ số 29, xã LT do ông K'Y đứng tên chủ sử dụng đất. Trong thực tế thì ông K'Y cũng là người trực tiếp canh tác ổn định trên diện tích đất này. Trong quá trình sử dụng đất ông K'Y đã kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 372 nói trên. Quy trình xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K'Y được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện đúng theo các quy định của Luật đất đai. Cụ thể, ngày 20/6/2008, ông K'Y có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân xã LT xác nhận ngày 30/8/2008.

Ngày 14/8/2008 đến ngày 29/9/2008, Ủy ban nhân dân xã LT đã niêm yết công khai các hộ được xét duyệt để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình niêm yết công khai ông T cũng như các hộ khác không hề có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì nên ngày 01/12/2008, Ủy ban nhân dân xã LT đã có tờ trình số 119/TTr-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trong đó hộ ông K'Y. Ngày 6/02/2009, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện BL có tờ trình số 267/TTr-UBND về việc đề nghị công nhận quyền sử dụng đất cho 04 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã LT trong đó ông K'Y. Ngày 16/2/2009, Ủy ban nhân dân huyện BL ban hành quyết định số 980/QĐ-UB về việc công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông K'Y sử dụng đất tại xã LT, huyện BL. Trong đó có thửa đất 372-TBĐ số 29 xã LT.

Như vậy, việc cấp đất cho ông K'Y là đúng đối tượng, đúng về trình tự, thủ tục cũng như thẩm quyền được quy định tại Nghị định 181/2004 và Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính Phủ và Luật đất đai năm 2003.

Từ những phân tích trên cấp sơ thẩm thấy rằng việc ông T khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện BL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K'Y là không có cơ sở nên bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ.

Đại diện theo ủy quyền của ông T kháng cáo nhưng không đưa ra được những chứng cứ ngoài những chứng cứ đã thu thập ở cấp sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện, giữ y bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính 2015

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Vũ Văn T (đại diện theo ủy quyền là ông Trần N)

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2016/HCST ngày 23/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 163 Luật tố tụng hành chính;

Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LĐ.

Buộc ông Vũ Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ theo biên lai thu tiền số 0002195 ngày 15/7/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- NKK;
- NBK;
- NLQ;
- Lưu: VP, Hồ sơ, 13bTNB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Văn Yên